

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Đường vào xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định: số 178/QĐ-UBND ngày 23/01/2017, số 12/QĐ-UBND ngày 05/01/2017, số 290/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành các Gói thầu số 02, 03, 04 thuộc dự án đầu tư xây dựng Công trình: Đường vào xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 47/TTr-STC ngày 16 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

1. Công trình: Đường vào xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong.
2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong.
3. Đơn vị thi công gói thầu xây lắp:
 - Gói thầu số 01: Liên danh Công ty xây dựng Tân Trường Phát - Sài Gòn.
 - Gói thầu số 02: Liên danh Công ty TNHH xây dựng Tân Thành - Công ty cổ phần xây vật tư và xây dựng Đắk Lắk.
 - Gói thầu số 03: Liên danh Công ty Cổ phần xây dựng Hồng Đạt - Công ty TNHH An Nguyên.
 - Gói thầu số 04: Liên danh Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sài Gòn và Công ty Cổ phần xây dựng Hồng Đạt.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

5. Thời gian thi công:

Tên gói thầu	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành thực tế
Gói thầu số 01	03/02/2010	02/5/2012
Gói thầu số 02	03/02/2010	30/6/2012
Gói thầu số 03	03/02/2010	30/12/2011
Gói thầu số 04	10/5/2010	28/4/2014

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	106.482.036.000	103.977.937.800	2.504.098.200
- Trái phiếu Chính phủ	103.602.937.800	103.602.937.800	0
- Ngân sách	2.879.098.200	375.000.000	2.504.098.200

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	107.389.511.000	106.482.036.000
- Chi phí xây dựng	99.119.807.000	98.572.231.000
- Chi phí quản lý dự án	1.380.000.000	1.380.000.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.344.307.000	5.177.349.000
- Chi phí khác	847.000.000	654.059.000
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	698.397.000	698.397.000

Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Một trăm lẻ sáu tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	106.482.036.000			
- Tài sản cố định	106.482.036.000			
- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	106.482.036.000	
- Trái phiếu Chính phủ	103.602.937.800	
- Ngân sách	2.879.098.200	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 15/12/2016 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán) là:

* Số phải trả : 2.866.717.200 đồng.
* Số phải thu hồi : 362.619.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư, nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

d) Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của công trình tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong	106.482.036.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát và nhà thầu thi công: Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

c) Nhà thầu tư vấn kiểm toán: Chịu trách nhiệm trước pháp luật, chủ đầu tư và cơ quan sử dụng kết quả kiểm toán về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong Báo cáo kết quả kiểm toán hạng mục, gói thầu và cả dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk Glong và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH (Va). 3



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn



CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Công trình: Đường vào xã Quang Hòa, huyện Đắk Glong

(Kèm theo Quyết định số 468 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Nợ phải thu	
	Tổng số	106.482.036.000	103.977.937.800	2.866.717.200	362.619.000	
I	Chi phí xây dựng	98.572.231.000	96.708.467.000	2.226.383.000	362.619.000	
1	Gói thầu số 01	13.863.609.000	11.879.988.000	1.983.621.000		
2	Gói thầu số 02	11.310.492.000	11.067.730.000	242.762.000		Đã quyết toán
3	Gói thầu số 03	38.988.413.000	39.241.967.000		253.554.000	Đã quyết toán
4	Gói thầu số 04	34.409.717.000	34.518.782.000		109.065.000	Đã quyết toán
4.1	Công ty cổ phần xây dựng Hồng Đạt	22.046.750.000	22.155.815.000		109.065.000	Đã quyết toán
4.2	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sài Gòn	12.362.967.000	12.362.967.000			Đã quyết toán
II	Chi phí quản lý dự án	1.380.000.000	1.380.000.000			
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.177.349.000	4.944.164.000	233.185.000		
1	Chi phí khảo sát, lập DADT	493.227.000	493.000.000	227.000		
2	Chi phí khảo sát, lập TK BVTC-DT	2.559.959.000	2.393.246.000	166.713.000		
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC-DT	177.520.000	177.520.000			
4	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu	151.339.000	151.339.000			
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.795.304.000	1.729.059.000	66.245.000		
5.1	Chi phí giám sát gói thầu số 01	204.323.000	183.890.000	20.433.000		
5.2	Chi phí giám sát gói thầu số 02	241.520.000	220.000.000	21.520.000		Đã quyết toán
5.3	Chi phí giám sát gói thầu số 03	642.277.000	642.277.000			Đã quyết toán
5.4	Chi phí giám sát gói thầu số 04	707.184.000	682.892.000	24.292.000		Đã quyết toán
IV	Chi phí khác	654.059.000	254.324.000	399.735.000		
1	Chi phí bảo hiểm công trình	242.486.000	242.486.000			
1.1	Chi phí bảo hiểm gói thầu số 01	42.978.000	42.978.000			
1.2	Chi phí bảo hiểm gói thầu số 02	33.911.000	33.911.000			Đã quyết toán
1.3	Chi phí bảo hiểm gói thầu số 03	57.296.000	57.296.000			Đã quyết toán
1.4	Chi phí bảo hiểm gói thầu số 04	108.301.000	108.301.000			Đã quyết toán
2	Lệ phí thẩm định DADT	11.838.000	11.838.000			
3	Chi phí thẩm tra pd QT	399.735.000	0	399.735.000		
V	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	698.397.000	690.982.800	7.414.200		